

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TẠI ĐÀ NẴNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **121/2020/HS-PT**

Ngày: 26 - 5- 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Tồn**

Các thẩm phán: Ông **Trần Minh Tuấn**

Ông **Nguyễn Cường**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định** Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 126/2020/TLPT-HS ngày 18-02-2020 đối với bị cáo **H' X và đồng phạm** về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do có kháng cáo của các bị cáo và người bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HSST ngày 14 - 01 - 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo

1. Họ và tên: **H' X**; Tên gọi khác: **L**; giới tính: Nữ; Sinh ngày 14/3/1988, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú trước khi phạm tội: Buôn T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Ê Đê; Tôn giáo: Tin Lành; Nghề nghiệp: Làm Nông; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Y Thun Buôn K, sinh năm 1960; con bà H' S, sinh năm 1968, hiện đều trú tại: Buôn T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo có 03 chị em ruột, bị cáo là con thứ 02; Bị cáo có chồng là Tô Hoàng A, sinh năm 1988(đã ly hôn); bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2018/HSST ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông đã xử phạt bị cáo **H' X** 06 tháng tù về tội “Đánh bạc” nhưng cho hưởng treo, thời gian thử thách 01 năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/7/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk. có mặt.

- Bị cáo kháng cáo

Họ và tên: **Đồng Văn T**; Tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; Sinh ngày 19/01/1986, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú trước khi phạm tội: Thôn 1, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp; Lái xe; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Đồng Văn V (đã chết); con bà Phan Thị H, sinh năm 1948; hiện trú tại: Thôn 1, xã H, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có 04 chị em ruột, bị cáo là con thứ 3; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị T T, sinh năm 1990; bị cáo có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/12/2018, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Đắk Lắk. có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo H'X*: Luật sư Nguyễn Thị Bích H - Văn Phòng luật sư X, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đồng Văn T*: Luật sư Võ Đình D - Văn Phòng luật sư D, thuộc đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk. có mặt.

- *Người bị hại có kháng cáo*: Ông Cao Anh D, bà Tạ Thị Kim L; Cùng trú tại: thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Ông D có mặt, bà L vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo*: Ông Y Thun B và bà H'S; trú tại: Buôn T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

Những người tham gia tố tụng khác:

- **Người bị hại**: Ông Nguyễn Phạm N; Trú tại: huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Bà Mai Thị T và ông Phạm Mạnh Q; trú tại: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 7/2017, do cần tiền tiêu xài và đánh bạc nên H' X đã tự mình và nhờ Đồng Văn T là bạn bè quen biết đưa ra thông tin gian dối là thuê xe tự lái để đi lại, chở khách đi N... đi thuê xe ô tô tự lái sau đó đưa đi cầm cho người khác nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản. Với thủ đoạn như trên, H' X đã tự mình và Đồng Văn T thực hiện hành vi phạm tội như sau:

1. H' X chiếm đoạt của ông Cao Anh D và bà Tạ Thị Kim L, trú tại tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk số tiền 195.000.000 đồng.

Ngày 05/6/2017, H' X đến nhà ông Cao Anh D và bà Tạ Thị Kim L, ở tổ dân phố 5, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk thuê 01 chiếc xe ô tô loại 5 chỗ ngồi nhãn hiệu Hyundai Getz, biển kiểm soát 47A- 047.50, thời hạn từ ngày 05/6/2017 đến ngày 08/6/2017 với số tiền 2.400.000 đồng. H' X đưa cho trước cho bà L 1.500.000 đồng. Sau khi có được xe H' X đã đưa xe lên thành phố B, thế chấp cho ông Hoàng Minh H, sinh năm 1981, trú tại thành phố B, lấy số tiền 100.000.000 đồng đi đánh bạc và tiêu xài cá nhân hết. Khi quá hạn thuê xe, bà L yêu cầu H' X trả xe thì H' X nói đã đem xe đi cầm cố. Ngày 19/6/2017 ông Y Thun Buôn K và vợ là bà H'S là bố mẹ của H' X đã vay của ông Cao Anh D số tiền 121.000.000 đồng để chuộc xe ô tô biển kiểm soát 47A-047.50 trả cho bà L (BL: 114-115; 188; 223-224; 243-247).

- Tại Kết luận định giá tài sản số 2522/KL-HĐĐG ngày 03/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Hyundai Getz, biển kiểm soát 47A-047.50 có giá trị còn lại tại thời điểm ngày 05/6/2017 là 195.000.000 đồng (BL: 101).

Như vậy H' X đã chiếm đoạt của của ông Cao Anh D và bà Tạ Thị Kim L chiếc xe ô tô Hyundai Getz, biển kiểm soát 47A- 047.50 có giá trị 195.000.000 đồng.

2. H' X và Đồng Văn T đã chiếm đoạt của ông Cao Anh D và bà Tạ Thị Kim L số tiền 450.000.000 đồng và của ông Nguyễn Phạm N và ông Nguyễn Quốc T1, trú tại thôn 3, xã CN, huyện E số tiền 260.000.000 đồng.

Sáng ngày 09/7/2017, H' X và Đồng Văn T ngồi uống cà phê với nhau tại tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện E. Tại đây H' X nhờ T đến thuê xe ô tô tự lái của bà Tạ Thị Kim L và ông Cao Anh D, thì T hỏi H' X tại sao không tự đi thuê mà lại nhờ T, thì H' X nói do trước đó đã thuê xe của bà L, ông D rồi đem đi cầm cố lấy tiền chưa có tiền trả nên bà L ông D sẽ không cho thuê xe nữa. T hỏi “nếu T thuê xe cho H' X đem đi cầm cố không có tiền trả thì sao”. Lúc này H' X mới thú nhận là muốn thuê xe để đưa đi cầm cố vì đang cần tiền và năn nỉ T đứng ra thuê xe cho H' X và cam đoan sẽ chuộc được xe ra đúng hạn nên T đã đồng ý. Ngoài ra H' X còn dặn T là nói thuê xe để chở khách đi N trong 02 ngày, thì được T đồng ý. Sau đó T đến gặp bà L và thuê của bà L 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova biển kiểm soát 47A-127.67, thời hạn thuê từ ngày 09/7/2017 đến ngày 11/7/2017, với số tiền 800.000 đồng/ngày. Sau khi thuê được xe T giao xe ô tô biển kiểm soát 47A-127.67 cho H' X rồi H' X điều khiển xe ô tô đến chỗ Nguyễn Đ, sinh năm 1984, trú tại tổ dân phố 2B, thị trấn E, huyện E, cùng đi đến Nhà nghỉ T T, thành phố B, do bà Mai Thị T, sinh năm 1970 làm chủ. Tại đây H' X cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 47A-127.67 cho bà Mai Thị T để vay 110.000.000 đồng và đem tiền đi đánh bạc và tiêu xài cá nhân hết.

Hết thời hạn thuê xe không thấy T đến trả xe nên bà L liên tục gọi điện thoại yêu cầu T đưa xe về trả thì H' X nói với T đi thuê xe ô tô của ông Nguyễn Phạm N và Nguyễn Quốc T1, trú tại thôn 3, xã CN, huyện E, để đem đi cầm cố lấy tiền chuộc xe ô tô biển kiểm soát 47A- 127.67 về trả cho bà L thì T đồng ý.

Ngày 28/7/2017 Đồng Văn T đã đến thuê của ông Nguyễn Quốc T1 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 47A-193.54, thời hạn thuê xe 05 ngày từ ngày 28/7/2017 đến ngày 02/8/2017 với số tiền 800.000đồng/ngày. Sáng ngày 29/7/2017, T điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 47A-193.54 chở H' X và bà Hoàng Thị Ánh T, sinh năm 1973, trú tại Buôn T, thị trấn E, huyện E, đi thành phố B. Trên đường đi, H' X điện thoại cho một người tên "K H Phòng" (không rõ nhân thân, lai lịch) để cầm cố xe ô tô. Sau đó T chở H' X và bà T đến quán cà phê số 24 P, thành phố B, gặp ba người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch), tại đây H' X viết giấy tờ cầm cố xe ô tô biển kiểm soát 47A- 193.54 cho ba người đàn ông nêu trên để vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày. Sau khi có tiền H' X không đi chuộc xe ô tô cho bà L mà tiếp tục đem tiền đi đánh bạc và tiêu xài cá nhân hết. Ngày 05/8/2017, ông Nguyễn Quốc T1 nhiều lần liên lạc với Đồng Văn T để yêu cầu trả xe thì được biết H' X đã đem xe ô tô đi cầm cố. Ngày 27/9/2017, ông T1 cho H' X vay số tiền 158.000.000 đồng (nhưng bố mẹ H' X là ông Y Thun Buôn K và bà H'S đứng ra vay giúp) để chuộc xe ô tô biển kiểm soát 47A-193.54 và sửa xe do xe bị hư hỏng để trả cho ông T1. Trong đó 100.000.000 đồng để chuộc xe và 58.000.000 đồng để sửa xe (BL: 111; 214-224; 238-248; 249-280).

Sau khi cầm cố xe cho bà Mai Thị T, đến khi quá hạn bà T yêu cầu trả tiền thì H' X đã trả cho bà T được 10.000.000 đồng. Quá trình điều tra vụ án, gia đình H' LiNi Na Niê đã bồi thường, khắc phục hậu quả cho ông Nguyễn Quốc T1 số tiền 80.000.000 đồng; cho ông Cao Anh D và bà Tạ Thị Kim L số tiền 100.000.000 đồng và cho bà Mai Thị T số tiền 40.000.000 đồng.

-Tại Bản kết luận định giá tài sản số 55/KL-ĐGTS ngày 16/10/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện E, tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 47A-193.54 tại thời điểm ngày 28/7/2017 có giá trị là 450.000.000 đồng.

-Tại Bản kết luận định giá tài sản số 43/KL-HĐ 992 ngày 11/7/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện E, tỉnh Đắk Lắk, kết luận:

01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu *Toyota Inova*, biển kiểm soát 47A-127.67 có giá trị tại thời điểm ngày 09/7/2017 là 260.000.000 đồng (BL: 96;98)

-Tại bản kết luận giám định số 547PC09 ngày 08/7/2019 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận:

Chữ viết/chữ ký mang tên Đồng Văn T trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A4 so với chữ viết, chữ ký đứng tên Đồng Văn T trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, là do cùng một người viết và ký ra.

Chữ viết, chữ ký mang tên H' X trong các tài liệu cần giám định ký hiệu A2, A3, A5, A6 so với chữ viết, chữ ký đứng tên H' X trong tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2, là do cùng một người viết và ký ra. (BL: 103).

Như vậy, H' X và Đồng Văn T đã chiếm đoạt của của ông Cao Anh D và bà Tạ Thị Kim L, chiếc xe ô tô Toyota Inova, biển kiểm soát 47A-127.67 có giá

trị 260.000.000 đồng và chiếm đoạt của của ông Nguyễn Phạm N và Nguyễn Quốc T1, chiếc xe ô tô Toyota Inova, biển kiểm soát 47A-193.54 có giá trị 450.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 83/CT-VKS-P3 ngày 14 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk truy tố bị cáo H'X bà bị cáo Đồng Văn T, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2020/HSST ngày 14 - 01 - 2020, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

[1] Tuyên bố các bị cáo H'X và Đồng Văn T, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”,

[2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo H'X 14 (Mười bốn) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 03/7/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

- Xử phạt bị cáo Đồng Văn T 13 (Mười ba) năm tù, về Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/12/2018.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015, Điều 586, Điều 591 BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo H'X phải tiếp tục bồi thường cho vợ chồng ông Cao Anh D, bà Tạ Thị Kim L số tiền 129.500.000 đồng.

Buộc ông Y Thun B và bà H'S phải tiếp tục bồi thường cho ông Nguyễn Phạm N số tiền 78.000.000 đồng.

Buộc bị cáo H'X phải tiếp tục bồi thường cho bà Mai Thị T số tiền 50.000.000 đồng.

Buộc Bị cáo Đồng Văn T phải bồi thường cho ông Cao Anh D, và bà Tạ Thị Kim L số tiền 108.500.000 đồng.

Buộc Bị cáo Đồng Văn T phải bồi thường cho ông Nguyễn Phạm N số tiền 68.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần trách nhiệm dân sự đối với ông Phạm N và bà Mai Thị T, tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 17/01/2020 Bị cáo H'X kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 26/01/2020 bị cáo Đồng Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt

Ngày 04/02/2020 Bị hại ông Cao Anh D kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự và yêu cầu bị cáo H'X phải bồi thường cho ông 400.000.000 đồng và không đồng ý bãi nại cho bị cáo H'X.

Ngày 20/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Y Thun B kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo H'X, Đồng Văn T đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như nội dung bản án sơ thẩm. Các bị cáo thừa nhận án sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên mức án sơ thẩm xử phạt các bị cáo là quá nặng, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa cho rằng: Mức án mà cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo là phù hợp với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, giữ nguyên mức án sơ thẩm. Đối với kháng cáo của người bị hại, người liên quan không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của họ.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo H'X, Đồng Văn T thống nhất về tội danh và điều luật mà Bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo. Tuy nhiên, các luật sư cho rằng mức án sơ thẩm xử phạt các bị cáo là quá nặng, chưa xem xét đến nhân thân, thái độ thành khẩn cũng như thiện chí bồi thường của các bị cáo. Do đó, các Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giảm cho các bị cáo một phần hình phạt.

Người bị hại ông Cao Anh D giữ nguyên kháng cáo không bãi nại cho bị cáo H'X và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo H'X bồi thường cho ông số tiền 400.000.000 đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Y Thun Buôn K giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xem xét lại phần trách nhiệm dân sự và xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H'X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo H'X, Đồng Văn T phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định:

Do cần tiền để sử dụng vào mục đích cá nhân nên H'X đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bằng thủ đoạn gian dối thông qua việc thuê xe ô tô tự lái của những người làm dịch vụ cho thuê xe để rồi chiếm đoạt rồi mang đi cầm cố, thế chấp lấy tiền sử dụng mục đích cá nhân. Với thủ đoạn nêu trên, trong khoảng thời gian từ tháng 6/2017 đến tháng 7/2017, H'X đã chiếm đoạt của Cao Anh D và bà Tạ Thị Kim L 01 xe ô tô hiệu Hyundai Getz BKS 47A-

047.50, trị giá 195.000.000 đồng; H'X cùng với sự giúp sức của Đồng Văn T đã chiếm đoạt của ông Cao Anh D và bà Tạ Thị Kim L 01 xe ô tô Hiệu Toyota Innova, BKS 47A-127.67, trị giá 260.000.000 đồng và chiếm đoạt của ông Phạm N và ông Nguyễn Quốc T1 01 xe ô tô nhãn hiệu Toyota Inova biển kiểm soát 47A-193.54, trị giá 450.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo H'X chiếm đoạt là 905.000.000 đồng; Đồng Văn T tham gia cùng H'X chiếm đoạt tổng giá trị tài sản là 710.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo H'X, Đồng Văn T đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009) như Bản án sơ thẩm số 08/2020/HSST Ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh tỉnh Đắk Lắk đã xét xử các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, kháng cáo của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì thấy:

[2.1] Xét các nội dung kháng cáo liên quan đến hình phạt của các bị cáo thì thấy:

Hành vi của các bị cáo H'X, Đồng Văn T là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nhiều lần, chiếm đoạt tài sản của nhiều người với tổng trị giá trên 500 triệu đồng. Trong đó bị cáo H'X là người có nhân thân xấu đã bị xử phạt về hành vi đánh bạc nay tham gia với vai trò là người chủ mưu, khởi xướng và đã 03 lần chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng trị giá 905.000.000 đồng; Cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo, xử phạt bị cáo H'X mức án 14 năm tù là phù hợp, không nặng.

Đồng Văn T vì nể nang bạn bè giúp sức cho H'X hai lần chiếm đoạt tài sản của người khác với tổng trị giá 710.000.000 đồng. Bị cáo không hưởng lợi hoặc ăn chia cùng gì cùng với H'X. Tại phiên Tòa bị hại Cao Anh D không yêu cầu bị cáo Đồng Văn T phải bồi thường số tiền còn lại, do hoàn cảnh khó khăn và xin giảm nhẹ tội cho bị cáo, ngoài ra HĐXX xét thấy vai trò đồng phạm của Đồng Văn T thứ yếu cần phải phân hóa vai trò và cá thể hóa hình phạt cho công bằng. Cấp sơ thẩm xử 13 năm tù là có phần nghiêm khắc nên giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật Hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân. Tài sản chiếm đoạt được các bị cáo sử dụng vào mục đích trái pháp luật khác (sử dụng để đánh bạc). Do đó, đối với bị cáo cần phải xử phạt nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của H'X; Chấp nhận kháng cáo của Đồng Văn T và một phần kháng cáo bị hại Cao Anh D sửa án sơ thẩm về hình phạt cho Đồng Văn T.

Đối với phần kháng cáo của người bị hại Cao Anh D về việc rút bãi nại đối

với bị cáo H'X: Xét thấy tại hồ sơ thể hiện quá trình điều tra bị hại Cao Anh D đã bãi nại cho bị cáo H'X, sau khi xét xử sơ thẩm bị hại Cao Anh D mới rút bãi nại là không có giá trị. Mặt khác mức án mà cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo là phù hợp, vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo này của người bị hại.

Ngoài ra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Y Thun Buôn K có kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo H'X. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 65 BLTTHS thì người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có quyền kháng cáo về hình phạt của bị cáo, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Xét các nội dung kháng cáo liên quan phân trách nhiệm dân sự:

Ông Cao Anh D kháng cáo yêu cầu bị cáo H'X phải bồi thường cho ông số tiền 400.000.000 đồng. Tuy nhiên xét quá trình điều tra và xét xử sơ thẩm ông Cao Anh D và bà Tạ Thị Kim L yêu cầu bồi thường các khoản như: Chi phí sửa chữa do xe ô tô biển kiểm soát 47A-127.67 bị hư hỏng và mất thu nhập trong vòng 01 năm là 217.000.000 đồng, (bao gồm tiền thuê xe 01 tháng là 15.000.000 đồng x 12 tháng = 180.000.000 đồng + 37.000.000 đồng tiền sửa xe và thay thế phụ tùng); Số tiền 121.000.000 đồng của chiếc xe 47A-047.50 mà ông D cho mượn để chuộc xe và chi phí sửa xe. Tổng cộng là 217.000.000 đồng + 121.000.000 đồng = 338.000.000 đồng. Tại bản án sơ thẩm đã chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bị hại Cao Anh D và Tạ Thị Kim L, buộc bị cáo H'X phải bồi thường cho ông Cao Anh D, bà Tạ Thị Kim L tổng cộng 229.500.000 đồng; buộc bị cáo Đồng Văn T phải bồi thường cho ông Cao Anh D, bà Tạ Thị Kim L số tiền 108.500.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án gia đình bị cáo đã bồi thường cho ông D, bà L số tiền 100.000.000 đồng. Như vậy, Buộc bị cáo H'X phải tiếp tục bồi thường cho ông Cao Anh D, bà Tạ Thị Kim L số tiền 129.500.000 đồng.

[2.3] Sau khi xử sơ thẩm bị hại Cao Anh Dung kháng cáo yêu cầu bị cáo H'X bồi thường cho ông số tiền 400.000.000 đồng do không thực hiện đúng cam kết, kèm theo giấy xác nhận ngày 06 tháng 10 năm 2019 giữa ông Y Thun B và vợ chồng D L. Đối với trường hợp giữa vợ chồng ông D, bà L có cam kết gì khác với gia đình bị cáo H'X thì các bên có thể khởi kiện vụ án dân sự để giải quyết. Riêng số tiền 108.500.000 đồng. Án sơ thẩm buộc bị cáo Đồng Văn T phải bồi thường cho ông Cao Anh D, bà Tạ Thị Kim L, Tại phiên tòa Ông D tự nguyện không yêu cầu T phải bồi thường số tiền 108.500.000 đồng, nên HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này.

[2.4] Đối với phần kháng cáo của ông Y Thun B cho rằng; Gia đình đã thỏa thuận bồi thường cho ông Nguyễn Quốc T1 là người đại diện của ông N thiệt hại do H'X gây ra là 120.000.000 đồng, đã bồi thường được 108.000.000 đồng nay chỉ còn lại 12.000.000 đồng kèm theo chứng từ (BL 401-404). Vấn đề này của ông sẽ được cơ quan Thi hành án khấu trừ nghĩa vụ thanh toán trong giai đoạn thi hành án dân sự.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng

ngợi.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo H'X không được chấp nhận nên phải chịu 200.000 đồng; Đồng Văn T không chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 356, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đồng Văn T; và một phần kháng cáo của người bị hại Cao Anh D, Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H'X, Kháng cáo của ông Y Thun B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Tuyên bố các bị cáo H'X và Đồng Văn T, phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ: điểm a khoản 4 Điều-139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo H'X 14 (Mười bốn) năm tù, về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 03/7/2019.

- Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đồng Văn T 12 (Mười hai) năm tù, về Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 04/12/2018.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ: Điều 48 BLHS năm 2015, Điều 586, Điều 591 BLDS năm 2015.

Buộc bị cáo H'X phải tiếp tục bồi thường cho vợ chồng ông Cao Anh D, bà Tạ Thị Kim L số tiền 129.500.000 đồng.

Ghi nhận sự nguyện của ông Cao Anh D không yêu cầu Đồng Văn T phải bồi thường số tiền 108.500.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Căn cứ: Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Buộc bị cáo H'X phải nộp 200.000 đồng. Bị cáo Đồng Văn T không chịu án phí HSPT do kháng cáo được chấp nhận.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan CSTHAHS - Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Trại tạm giam CA tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Tồn